TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 29 /10/2019
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN,TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Xuân Thái.

2. Bà Vũ Thị Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 157/2019/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B – sinh năm 1979

Địa chỉ: Xóm 5, xã V, huyện S, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

* Bị đơn: Anh Đào Ngọc T – sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm 5, xã V, huyện S, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về hôn nhân : Chị và anh Đào Ngọc T kết hôn ngày 24/12/1998, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T vẫn không từ bỏ. Xét thấy tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau được nữa. Nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Ngọc T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Đào Ngọc T – sinh ngày 07/7/2000 và Đào Ngọc V – sinh ngày 11/10/2001. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cháu V cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu T đã đủ tuổi trưởng thành, đã tự lo cho cuộc sống riêng của mình, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên không có ý kiến của anh T về việc chị B yêu cầu ly hôn. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải chỉ có mặt chị B, vắng mặt anh T nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 10/10/2019 anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

* Do vụ án liên quan đến người chưa thành niên, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Đào Ngọc T không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về tố tụng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đào Ngọc T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Đào Ngọc T kết hôn ngày 24/12/1998 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị B là hoàn toàn chính đáng, bởi trong quá trình giải quyết vụ án và qua xác minh được biết cuộc sống hôn nhân của vợ chồng thời gian gần đây không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, mặc dù chị B và gia đình đã khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không từ bỏ, do vậy mâu thuẫn không thể giải quyết được. Chị B và anh T đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án anh T cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Chứng tỏ, anh T không có sự níu kéo, không mong muốn đoàn tụ, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Đào Ngọc T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Đào Ngọc T có 02 con chung là Đào Ngọc T – sinh ngày 07/7/2000 và Đào Ngọc V – sinh ngày 11/10/2001.

Xét thấy, cháu Đào Ngọc T đã đủ tuổi trưởng thành chị B không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Đào Ngọc V tại thời điểm chị B làm đơn khởi kiện cháu V chưa đủ 18 tuổi, cho nên chị B đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, đến ngày xét xử cháu V đã đủ tuổi trưởng thành, tại phiên tòa chị B không yêu cầu giải quyết đối với cháu V, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Anh Đào Ngọc T không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Do vậy, cần dành quyền dân sự cho anh T khi có yêu cầu giải quyết về tài sản là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B. Cho chị Nguyễn Thị B ly hôn anh Đào Ngọc T.

* Dành quyền dân sự cho anh Đào Ngọc T khi có yêu cầu giải quyết về tài sản.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005916, ngày 13/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị B đã nộp đủ án phí.

* Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Xuân Hùng